

Bản án số: 16/2024/HS-PT

Ngày: 15/01/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên.

Các Thẩm phán:

1. Bà Phạm Uyên Thy.

2. Bà Đoàn Thị Hương Giang.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Khá - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 472/2023/HSPT ngày 13/12/2023 đối với bị cáo **Nguyễn Nhựt T** do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 65/2023/HS-ST ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Nhựt T, sinh năm 1979 tại Tiền Giang; nơi thường trú: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang; chỗ ở: Số A L, Ấp B, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn N** và bà **Đặng Hồng L**; chung sống như vợ chồng với bà **Huỳnh Kim H**, có 02 con sinh năm 2012 và năm 2021; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Trong vụ án này, còn có bà **Nguyễn Thị Kim U** là bị hại và ông **Chế Thanh H1** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có liên quan đến kháng cáo, nhưng xét thấy không cần thiết phải có mặt tại phiên tòa phúc thẩm nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 10/5/2023, **Nguyễn Thị Kim U** đến quán N1 L, Ấp B, xã N, huyện N uống nước và lấy điện thoại ra sử dụng. Khoảng 12 giờ cùng ngày, **U** đứng dậy đi về nhà, bỏ quên điện thoại ở quán nước. Sau khi dọn dẹp, **Nguyễn Nhựt T** phát hiện điện thoại di động của **U** bỏ quên. Do trước

đó giữa T và U có mâu thuẫn nên T đã lấy điện thoại của U tắt nguồn ném ra ngoài bãi cỏ ở phía trước đối diện nhà T rồi đi công việc. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, sau khi đi công việc về, T ngồi nói chuyện cùng một số người trong xóm thì U đến hỏi “có ai lấy điện thoại tôi không”, U mượn điện thoại của Trần Quốc H2 để gọi vào điện thoại của mình nhưng không liên lạc được. Lúc này, T cũng có mặt tại đây và nói “điện thoại Iphone mà không biết mật khẩu sao tắt nguồn được”, U tiếp tục tìm điện thoại tại khu vực này nhưng không thấy nên ra về.

Đến ngày 16/5/2023, T quay lại bãi cỏ lấy điện thoại của U rồi mang đến cửa hàng điện thoại di động L, số E L, Ấp C, xã P, huyện N để mở khóa iCloud trên điện thoại. Tại đây, T gặp Lê Hùng V (nhân viên kỹ thuật cửa hàng L1) kiểm tra và nói lại là không mở được. Nghe vậy, T hỏi là có thu điện thu xác điện thoại không thì cửa hàng báo có thu lại với số tiền 6.000.000 đồng, T đồng ý bán. V hỏi T về nguồn gốc điện thoại thì T nói nhất được, không biết của ai, V yêu cầu T để lại thông tin cá nhân thì T để lại thông tin cá nhân và hình ảnh của mình.

Đến ngày 17/5/2023, T nhận được điện thoại của cửa hàng L1 thông báo bà U định vị được điện thoại của mình đang ở tại cửa hàng nên đến cửa hàng hỏi. T nói với cửa hàng điện thoại là T sẽ trả tiền lại, còn điện thoại cứ giao lại cho Công an xã N. Sau đó, T đến Công an xã N, huyện N trình diện và thừa nhận hành vi chiếm giữ điện thoại của U.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 34 ngày 05/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện N, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 ProMax, loại 128G, màu đen, mua mới vào ngày 06/02/2023, tình trạng đã qua sử dụng trị giá 23.500.000 đồng.

Vật chứng vụ án: thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 ProMax, loại 128G, màu đen (đã trả lại cho chủ sở hữu).

Về trách nhiệm dân sự: Bà U yêu cầu T bồi thường cho bà U 01 điện thoại mới và T đã bồi thường theo yêu cầu của bà U, bà U không yêu cầu Nguyễn Nhựt T bồi thường gì thêm. T cũng tự nguyện trả lại cho ông Chế Thanh H1 (chủ cửa hàng L1) số tiền 6.000.000 đồng, ông H1 không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 65/CT-VKS-NB ngày 29/9/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè đã truy tố bị cáo Nguyễn Nhựt T về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo khoản 1 Điều 176 của Bộ luật hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 65/2023/HS-ST ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 176; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Nhựt T 09 (chín) tháng tù về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01/11/2023, bị cáo Nguyễn Nhựt T có đơn kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, bị cáo **Nguyễn Nhựt T** đã thừa nhận những hành vi phạm tội do bị cáo gây ra như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu, bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo với lý do đã nhận thức được việc làm của mình là sai trái; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã bồi thường tài sản cho bị hại; là lao động chính trong gia đình, có con nhỏ sinh năm 2021.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định bản án sơ thẩm đã áp dụng đúng các căn cứ pháp luật để xử phạt bị cáo **Nguyễn Nhựt T** về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo khoản 1 Điều 176 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo trong thời gian hợp lệ. Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có con nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, mức án 09 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là nặng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo **Nguyễn Nhựt T** không tranh luận, chỉ xin được hưởng án treo để có điều kiện đi làm, phụ giúp gia đình, chăm sóc vợ và con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nhà Bè, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân huyện Nhà Bè, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, bị cáo **Nguyễn Nhựt T** đã thừa nhận hành vi phạm tội do bị cáo gây ra như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Cụ thể: vào khoảng 13 giờ ngày 10/5/2023, tại nhà **số A L, Ấp B, xã N, huyện N**, khi dọn dẹp bàn bán cà phê, **Nguyễn Nhựt T** đã phát hiện 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 ProMax, loại 128G, màu đen của **Nguyễn Thị Kim U** nên đã tắt nguồn và ném ra bãi cỏ trước nhà. Khi bà **U** đến hỏi thì **T** nói không biết ở đâu và không trả lại. Ngày 16/5/2023, **T** mang điện thoại đến bán cho **cửa hàng L1** với giá 6.0000.000 đồng. Đến ngày 17/5/2023, bà **U** định vị thì phát hiện điện thoại của mình đang ở tại **cửa hàng L1**, địa chỉ: **số E L, Ấp C, xã P, huyện N** nên đã trình báo **Công an xã N, huyện N** và thu giữ điện thoại trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 34 ngày 05/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện N, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 ProMax, loại 128G, màu đen, mua mới vào ngày 06/02/2023, tình trạng đã qua sử dụng trị giá 23.500.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Với hành vi chiếm giữ trái phép tài sản là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 ProMax, loại 128G trị giá 23.500.000 đồng của Nguyễn Thị Kim U, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Nguyễn Nhựt T phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo khoản 1 Điều 176 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện bồi thường theo yêu cầu của người bị hại và khắc phục hậu quả trả lại cho ông Ch� Thanh H1 số tiền 6.000.000 đồng theo điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đồng thời, xem xét, đánh giá tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo, từ đó xử phạt bị cáo với mức án 09 (chín) tháng tù.

[4] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo: Ngoài các tình tiết giảm nhẹ như đã kê trên, xét bị cáo làm thợ hồ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có con nhỏ nên cần áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Nhận thấy, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; kể từ khi được tại ngoại đến nay bị cáo đều chấp hành tốt, không vi phạm pháp luật; có đủ các điều kiện được hưởng án treo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách nhất định cũng đảm bảo tính răn đe, ngăn ngừa tội phạm.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Nhựt T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho bị cáo được hưởng án treo.

Do chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Nguyễn Nhựt T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Nhựt T**, sửa bản án sơ thẩm số 65/2023/HS-ST ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1 Điều 176; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt **Nguyễn Nhựt T** 09 (chín) tháng tù về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo **Nguyễn Nhựt T** cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo **Nguyễn Nhựt T** có ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội bị cáo **Nguyễn Nhựt T** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích án treo).

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- VKSND huyện Nhà Bè; (1)
- CC THA huyện Nhà Bè; (1)
- Bị cáo; (1)
- TAND huyện Nhà Bè; (2)
- Công an huyện Nhà Bè; (1)
- Phòng PV06-CA TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Lưu, hình sự, hồ sơ (20) (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyền